

Số: ~~3135~~ /UBND -TCKH
V/v: Báo cáo thực hiện
các chính sách năm 2016.

Triệu Sơn, ngày 03 tháng 11 năm 2016

Kính gửi: Sở Tài chính Thanh Hóa.

Thực hiện công văn số 4409/STC-TCDN ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Sở Tài chính về việc báo cáo tình hình thực hiện các chính sách năm 2016.

UBND huyện báo cáo tình hình thực hiện 10 tháng đầu năm 2016 và ước thực hiện năm 2016 cụ thể như sau:

1. Dự toán, chỉ tiêu giao kế hoạch năm 2016: 3.270.000 nghìn đồng

Trong đó:

- Chính sách khuyến khích sử dụng hình thức hỏa táng: 340.000 nghìn đồng
- CS khuyến khích tái cơ cấu ngành NN năm 2016: 637.000 nghìn đồng
- CSHT sản xuất giống cây trồng, vật nuôi năm 2016: 2.293.000 nghìn đồng

2. Tình hình thực hiện 10 tháng đầu năm 2016: 2.234.665 nghìn đồng

Trong đó:

- Chính sách khuyến khích sử dụng hình thức hỏa táng: 33.000 nghìn đồng
- CS khuyến khích tái cơ cấu ngành NN năm 2016: 701.350 nghìn đồng
- CSHT sản xuất giống cây trồng, vật nuôi năm 2016: 1.500.315 nghìn đồng

3. Kinh phí tỉnh đã cấp: 2.117.000 nghìn đồng

Trong đó:

- Chính sách khuyến khích sử dụng hình thức hỏa táng: 340.000 nghìn đồng
- CS khuyến khích tái cơ cấu ngành NN năm 2016: 637.000 nghìn đồng
- CSHT sản xuất giống cây trồng, vật nuôi năm 2016: 1.140.000 nghìn đồng

4. Ước thực hiện năm 2016: 3.530.450 nghìn đồng

Trong đó:

- Chính sách khuyến khích sử dụng hình thức hỏa táng: 410.000 nghìn đồng
- CS khuyến khích tái cơ cấu ngành NN năm 2016: 859.350 nghìn đồng
- CSHT sản xuất giống cây trồng, vật nuôi năm 2016: 2.254.200 nghìn đồng

Trên đây là báo cáo của UBND huyện Triệu Sơn về tình hình thực hiện các chính sách 10 tháng đầu và ước thực hiện năm 2016. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCKH.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Trường Sơn

TỔNG HỢP

Tình hình thực hiện các chính sách 10 tháng đầu năm và ước thực hiện năm 2016
(Kèm theo công văn số 3235/UBND-TCKH ngày 03 tháng 11 năm 2016 của Chủ tịch UBND huyện)

STT	Nội dung	Dự toán; chỉ tiêu giao kế hoạch			Tình hình thực hiện đến 31/10/2016			Tình hình giải ngân đến 31/10/2016			Ước thực năm 2016		
		ĐVT	Số lượng	Kinh phí	ĐVT	Số lượng	Kinh phí	Kinh phí đã giải ngân	KP còn lại giải ngân trong 2 tháng còn lại năm 2016	ĐVT	Số lượng	Kinh phí	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Tổng cộng			3.270.000			2.234.665	2.117.000		1.705.000			3.530.450
1	CS khuyến khích sử dụng hình thức hóa táng			340.000			33.000	340.000	33.000	0			416.900
2	CS khuyến khích tái cơ cấu ngành nông nghiệp năm 2016			637.000			701.350	637.000	0	565.000			859.350
3	CS hỗ trợ sản xuất giống cây trồng, vật nuôi năm 2016			2.293.000	0	2.910	1.500.315	1.140.000	0	1.140.000	0	8.479	2.254.200

NGƯỜI TỔNG HỢP



Vũ Văn Ba

Triệu Sơn, ngày tháng 11 năm 2016
TRƯỞNG PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH



Bùi Huy Dũng

CHI TIẾT

Tình hình thực hiện các chính sách 10 tháng đầu năm và ước thực hiện năm 2016
(Kèm theo công văn số 3235/UBND-TCKH ngày 03 tháng 11 năm 2016 của Chủ tịch UBND huyện)

STT	Nội dung	Dự toán; chỉ tiêu giao kế hoạch			Tình hình thực hiện đến 31/10/2016			Tình hình giải ngân đến 31/10/2016			Ước thực năm 2016		
		ĐVT	Số lượng	Kinh phí	ĐVT	Số lượng	Kinh phí	Kinh phí đã giải ngân	KP còn lại giải ngân trong 2 tháng còn lại năm 2016	ĐVT	Số lượng	Kinh phí	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Tổng cộng			3.270.000			2.234.665	2.117.000	2.012.000				3.530.450
I	CS khuyến khích sử dụng hình thức hóa táng			340.000			33.000	340.000	307.000				416.900
II	CS khuyến khích tái cơ cấu ngành nông nghiệp năm 2016			637.000			701.350	637.000	565.000				859.350
I	Vườn lúa thâm canh			272.000			60.000	272.000	200.000				200.000
1.1	Kiên cố hóa KMND	Xã	1	200.000	Xã	1	60.000	200.000	200.000	Xã	1	1	200.000
1.2	Mua 2 máy cày	Cái	2	72.000				72.000	0			0	0
2	Liên kết sản xuất và tiêu bao sản phẩm			365.000			641.350	365.000	365.000				659.350
2.1	Ngô ngọt, ngô bao tử, dưa bao tử, dưa xuất khẩu, ớt xuất khẩu	Ha	50	225.000	Ha	46	207.000	225.000	225.000	Ha		50	225.000
2.2	Ngô dầy và cò làm thức ăn chăn nuôi bò sữa, bò thịt	Ha	40	140.000	Ha	124	434.350	140.000	0	Ha		124	434.350
III	CS hỗ trợ sản xuất giống cây trồng, vật nuôi năm 2016			2.293.000	0	2.910	1.500.315	1.140.000	1.140.000			0	2.254.200
I	Hỗ trợ mua tinh lợn, trâu bò và vật tư phối giống nhân tạo cho trâu bò			523.000		2.905	423.315	261.000	0			3.400	484.200

STT	Nội dung	Dự toán; chỉ tiêu giao kế hoạch			Tình hình thực hiện đến 31/10/2016			Tình hình giải ngân đến 31/10/2016			Ước thực năm 2016		
		ĐVT	Số lượng	Kinh phí	ĐVT	Số lượng	Kinh phí	Kinh phí được cấp	Kinh phí đã giải ngân	KP còn lại giải ngân trong 2 tháng còn lại năm 2016	ĐVT	Số lượng	Kinh phí
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1.1	Hỗ trợ mua tinh lợn, trâu bò	Con	3.480	429.000	Con	2.905	357.315	214.000	0	214.000	Con	3.400	418.200
1.2	KP vật tư phối giống nhân tạo cho trâu bò			94.000			66.000	47.000	0	47.000			66.000
2	KP hỗ trợ mua con giống Bình ni tơ lông và đào tạo tập huấn			405.000		5	150.000	202.000	0	202.000		4.819	405.000
2.1	Mua con giống	Con	4.811	365.000			125.000	182.000	0	182.000	Con	4.811	365.000
2.2	Mua bình ni tơ lông	Bình	8	40.000	Bình	5	25.000	20.000	0	20.000	Bình	8	40.000
3	HT kinh phí xây dựng công trình xử lý chất thải rắn			1.365.000		192	927.000	677.000	0	677.000		260	1.365.000
3.1	Công trình khí sinh học	CT	260	1.170.000	CT	192	900.000	580.000	0	580.000	CT	260	1.170.000
3.3	Đệm lót sinh học			195.000			27.000	97.000		97.000			195.000

PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH



Bùi Huy Dũng

Triệu Sơn, ngày 3 tháng 11 năm 2016
PHÒNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN



Lã Văn Lâm